

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST

Ngày 24 - 01- 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Vẻ và ông Bùi Ánh Dương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 12 năm 2021; Quyết định thay đổi Thẩm phán số: 01/2021/QĐ - TA ngày 15/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/HSST – QĐ ngày 16/12/2021, đối với bị cáo:

Hoàng Trung Đ, sinh ngày 10/11/1990 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai;

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông Hoàng Triệu Đ, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1968; Bị cáo có vợ là chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2021 đến nay tại xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm.

Địa chỉ: Tòa nhà VTV, số 8 đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Q – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn N - Chức vụ: Chuyên viên pháp chế Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm.

Địa chỉ: xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

2, Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị T – sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 3 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2. Chị Bàn Thị Thanh T – sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bàn Văn T – sinh năm 1985.

Cùng trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

3. Chị Nguyễn Ngọc A – sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân L – sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Thôn 3 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

4. Chị Lê Thị M – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

5. Chị Triệu Thị M – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai.

6. Chị Bàn Thị L – sinh ngày 23/10/ 2003.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

7. Chị Triệu Thị P – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai.

8. Chị Trần Diệp L – sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

9. Chị La Thị V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

10. Chị Lê Thị Hồng M – sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

11. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

12. Chị Phạm Thị H – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

13. Anh Hoàng Trung T – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

14. Bà Nguyễn Thị Phương L – sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

15. Chị Hà Thị Q -sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

16. Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

17. Anh Lê Văn T – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

18. Chị Đỗ Phương T – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

19. Chị Ma Thị T – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

20. Anh Mai Văn K – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

21. Chị Nguyễn Thu H – sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

22. Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai.

23. Anh Bàn Văn L – sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn I, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

24. Anh Hoàng Văn H – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai.

25. Anh Vi Ngọc T -sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

26. Anh Vi Văn T – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

27. Anh Nông Quốc V – sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

28. Anh Hoàng Minh C - sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

29. Anh Đỗ Quang D – sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

30. Anh Trần Quý Q – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng, đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 21/4/2020, Hoàng Trung Đ ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm, công việc là giao hàng cho công ty tại địa bàn thị trấn K và các xã L, xã H, xã D, xã T, xã M, xã N, xã N1, xã D, xã N2 của huyện V. Tiền công được hưởng hoa hồng theo từng đơn hàng từ 3.200 đồng đến 6.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ hàng ngày, Đ đến chi nhánh Công ty tại tổ 12, thị trấn K, huyện V nhận các đơn hàng từ chị Hoàng Thị

Thu H (*người quản lý kho hàng*) để đi giao cho khách. Sau khi nhận các đơn hàng, Đ liên hệ với khách hàng bằng số điện thoại ghi trên đơn hàng rồi đi giao, thu tiền đối với những đơn hàng có thu tiền, còn các đơn hàng khách hàng đã trả tiền trước thì chỉ giao hàng và xin xác nhận của khách hàng. Sau khi giao xong một đơn hàng phải vào phần mềm ứng dụng trên điện thoại thực hiện thao tác đánh dấu vào mã đơn hàng đã giao cho khách hàng (*thực hiện thao tác giao hàng thành công*), đối với những đơn hàng chưa giao được sẽ thực hiện thao tác trên ứng dụng hẹn ngày giao hàng. Ngày hôm sau đến kho nộp cho người quản lý kho số tiền đã thu được của khách hàng ngày hôm trước và báo lại những đơn hàng chưa giao được để người quản lý kho nhập lại trên phần mềm là đã giao lại cho quản lý kho và quản lý kho tiếp tục xuất ra để Đ đi giao như một đơn hàng mới.

Khoảng tháng 12 năm 2020, vì số lượng đơn hàng nhiều, nhiều nhân viên cùng đến lấy hàng trong cùng một thời gian và vì tin tưởng nhân viên giao hàng nên chị Hoàng Thị Thu H đã nhờ các nhân viên giao hàng (*trong đó có Hoàng Trung Đ*) tự thao tác nhập những đơn hàng mới và nhập, xuất cả những đơn hàng đã tồn từ ngày hôm trước chưa giao được trên phần mềm điện thoại của chị H. Hoàng Trung Đ thấy việc chị H nhờ nhân viên tự nhập ứng dụng nhập hàng, xuất hàng trên điện thoại của chị H thì chị H sẽ không quản lý được lượng hàng đã giao và chưa giao, nên Đ đã nảy sinh ý định nhập hàng đã giao được và đã thu tiền của khách thành hàng chưa giao được, đang hẹn giao hàng nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty. Khoảng đầu tháng 01/2021, khi đến nhận đơn hàng mới, Hoàng Trung Đ đã nhập những đơn hàng đã giao được cho khách và thu tiền ngày hôm trước thành đơn hàng chưa giao được, hẹn ngày giao hàng trên điện thoại của Đ và nhập lại trên điện thoại của chị H rồi tiếp tục xuất ra lần 2 cùng với những đơn hàng mới để đi giao. Khi giao được những đơn hàng mới thì Đ nộp tiền vào những đơn hàng hôm trước đã giao thành công mà thao tác trên điện thoại là chưa giao được và nhập vào phần mềm ứng dụng “*giao hàng thành công*” đối với những đơn hàng này. Còn những đơn hàng mới nhận đã giao thành công và đã thu tiền thì Đ lại tiếp tục dùng thủ đoạn như trên để hẹn giao hàng và nhập thành hàng tồn rồi lại xuất ra để đi giao tiếp. Ngày 27/02/2021 Hoàng Trung Đ nhận và giao thành công 60 đơn hàng với tổng số tiền là 60.609.198 đồng, Đ nộp lại cho quản lý kho 22.300.000 đồng, còn lại 38.309.198 đồng Đ trình bày trên đường đi đã làm rơi mất. Cùng ngày Công ty cổ phần giao hàng tiết kiệm đã tạm đình chỉ làm việc đối với Hoàng Trung Đ. Ngày 01/3/2021, Công ty kiểm tra kho hàng phát hiện thực tế trước đó Đ đã giao thành công cho khách hàng 28 đơn hàng (*01 đơn hàng không thu tiền*) số tiền đã thu được của 27 đơn hàng là 35.178.495 đồng và đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền nêu trên.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKS-VB ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Hoàng Trung Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Trung Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Trung Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Trung Đ mức án từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm, giao bị cáo cho UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai, giám sát, giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự, án phí tuyên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Trung Đ tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng được thu giữ, lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Từ đầu tháng 01/2021 đến ngày 01/3/2021, bị cáo Hoàng Trung Đ đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhập hàng đã giao được và đã thu tiền của khách thành hàng chưa giao được, đang hẹn giao hàng, chiếm đoạt của Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm tổng số tiền 35.178.495 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với số tiền 38.309.198 đồng Hoàng Trung Đ khai nhận đã làm rơi, không có căn cứ, tài liệu chứng minh Đ đã chiếm đoạt. Vì vậy không đề cập xử lý hình sự đối với Đ về số tiền trên là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Hoàng Thị Thu H không biết và không được hưởng lợi từ việc thực hiện hành vi phạm tội của Đ. Vì vậy không đề cập xử lý đối với chị Hoàng Thị Thu H là đúng quy định pháp luật.

Đối với chị Trần Thị Bích T là vợ của Hoàng Trung Đ, đã đi giao giúp Đ 02 đơn hàng trong ngày 26/02/2021, chị đã đưa lại tiền đầy đủ cho Đ nộp về công ty. Việc Đ thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của công ty chị T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ. Vì vậy không đề cập xử lý đối với chị Trần Thị Bích T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về hình phạt:

- Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo Hoàng Trung Đ là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty cổ phần giao hàng tiết kiệm được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội gây thiệt hại không lớn; Sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả. Đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có bà nội là Triệu Thị Q được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì; Có bố đẻ là Hoàng Triệu Đ được Bộ trưởng Bộ bưu chính viễn thông tặng Kỷ niệm chương, được Tổng giám đốc tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam tặng Bằng khen.

Đối với điều luật, mức án Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy gia đình bị cáo kinh tế thuộc diện khó khăn phải đi thuê phòng trọ để ở, bị cáo không có tài sản gì riêng có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 35.178.495 đồng của 27 đơn hàng đã chiếm đoạt và hoàn trả số tiền còn lại của 60 đơn hàng giao thành công ngày 27/02/2021 là 38.309.198 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường và hoàn trả toàn bộ số tiền trên. Ngày 04/01/2022 bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng, để khắc phục hậu quả do hành vi chiếm đoạt của 27 đơn hàng trị giá 35.178.495 đồng. Như vậy bị cáo còn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 15.178.495 đồng.

Đối với số tiền còn lại của 60 đơn hàng giao thành công ngày 27/02/2021 là 38.309.198 đ. Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm nhất trí khấu trừ vào toàn bộ tiền lương và tiền ký quỹ, “Cụ thể: tiền lương là 15.310.902đ và tiền ký quỹ 5.000.000đ. Tổng cộng là 20.310.902đ”. Tại phiên tòa bị cáo Đ cũng nhất trí khấu trừ vào tiền lương và tiền ký quỹ, số tiền còn lại là 20.310.902 đ, bị cáo sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty. Như vậy bị cáo còn có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm số tiền là 17.998.296đ.

Tổng cộng bị cáo Hoàng Trung Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và hoàn trả lại số tiền cho Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm là 33.176.791đ (*Ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi một đồng*).

[6] Về vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc điện thoại của Hoàng Trung Đ sử dụng để nhập phần mềm quản lý hàng, đã bị hồng Đ vứt đi, không tạm giữ được.

- 01 chiếc điện thoại của chị Hoàng Thị Thu H, Hoàng Trung Đ đã sử dụng nhập phần mềm quản lý hàng. Là tài sản hợp pháp của chị H, chị H sử dụng để quản lý hàng, nên không tạm giữ của chị H là đúng quy định pháp luật.

Do đó Tòa án không đề cập vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hoàng Trung Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Trung Đ 01 (*Một*) năm 09 (*Chín*) tháng tù,

cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng, Thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 579; 580; 584; 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Hoàng Trung Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền 35.178.495đ (*Ba mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng*), khấu trừ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) bị cáo đã tự nguyện giao nộp theo biên lai thu tiền số 0001885 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Bị cáo Hoàng Trung Đ còn phải bồi thường thiệt hại số tiền 15.178.495đ (*Mười lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng*), cho Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm.

Bị cáo Hoàng Trung Đ phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 17.998.296đ (*Mười bảy triệu chín trăm chín mươi tám nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng*), cho Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm.

Tổng cộng bị cáo Hoàng Trung Đ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và hoàn trả lại số tiền là 33.176.791đ (*Ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi một đồng*) cho Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Trung Đ phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.658.839,55đ (*Một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn tám trăm ba mươi chín phẩy năm mươi lăm đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 1.858.839,55đ (*Một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn tám trăm ba mươi chín phẩy năm mươi lăm đồng*).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC(1);
- VKSND (02);
- CQCSĐT Công an VB(1);
- CQTHAHS Công an VB (1);
- Sở tư pháp tỉnh LC(1);
- Bị cáo; bị hại, NLQ (4);
- THA HS (03)
- THA DS (01)
- Lưu HS; LĐ, TP, VP, KT (05)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa

Mặt khác: Theo tinh thần của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 02/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có hướng dẫn như sau:

“1. Về tình tiết "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của BLHS

1.1. Cũng được áp dụng tình tiết "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

c. Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận, nếu số tiền, tài sản đó đã được giao cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quản lý để thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

d. Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên xuất trình được chứng cứ chứng minh là họ đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận và họ đã đem số tiền, tài sản đó về nhà cất giữ để sẵn sàng thực hiện việc bồi thường khi có yêu cầu;

Từ hướng dẫn này có thể nhận thấy là thiệt hại là do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra. Và người bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây phải là bị hại, nguyên đơn dân sự mà không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên tình tiết này Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.